PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ CÔNG AN - BỘ TƯ PHÁP - BỘ NGOẠI GIAO

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ CÔNG AN - BỘ TƯ PHÁP - BỘ NGOẠI GIAO

Số: 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự

Căn cứ Luật Tương trợ tư pháp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Điều 345, Điều 346 Bộ luật tố tụng hình sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao thống nhất hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn về điều kiện, nguyên tắc, trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Tương trợ tư pháp.

Điều 2. Điều kiện tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng

Việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự phải có đủ các điều kiện sau:

1. Người bị yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự là người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam, đang bị cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền

của Việt Nam điều tra, truy tố hoặc xét xử nhưng đã trốn khỏi Việt Nam đến nước mà người đó mang quốc tịch hoặc nước khác (nước mà người phạm tội đang có mặt, sau đây viết tắt là nước ngoài).

2. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã yêu cầu nước ngoài dẫn độ về Việt Nam, nhưng cơ quan có thẩm quyền của nước đó từ chối việc dẫn độ.

Điều 3. Nguyên tắc chuyển giao hồ sơ, vật chứng

Việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội được thực hiện trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đảm bảo an ninh chính trị của Việt Nam.

2. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; phù hợp tập quán quốc tế.

3. Đảm bảo bí mật nhà nước; chế độ bảo mật thông tin, tài liệu, vật chứng của vụ án.

4. Không làm ảnh hưởng đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội khác trong cùng vụ án hoặc việc giải quyết vụ án khác tại Việt Nam.

5. Tài liệu, vật chứng chuyển giao là những tài liệu, vật chứng không thể thiếu để phục vụ cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Điều 4. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước được yêu cầu chưa là thành viên của điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ *yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội* (sau đây viết tắt là *hồ sơ*) đến Bộ Ngoại giao để xem xét, quyết định việc đề nghị nước ngoài áp dụng nguyên tắc có đi có lại.

2. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Ngoại giao xem xét và đưa ra một trong các quyết định quy định tại Khoản 3 hoặc Khoản 4 Điều này. Đối với trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại thì thời hạn này không quá hai mươi ngày làm việc.

3. Trường hợp quyết định đề nghị nước ngoài áp dụng nguyên tắc có đi có lại, Bộ Ngoại giao có Công hàm đề nghị nước được yêu cầu áp dụng nguyên tắc có đi có lại kèm theo hồ sơ thông qua cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước được yêu cầu hoặc cơ quan đại diện của nước được yêu cầu tại Việt Nam; đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết.

4. Trường hợp quyết định không đề nghị nước ngoài áp dụng nguyên tắc có đi có lại, trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ khi quyết định, Bộ Ngoại giao gửi trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời chính thức của nước ngoài về việc đồng ý áp dụng nguyên tắc có đi có lại, Bộ Ngoại giao thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết và phối hợp thực hiện.

6. Trường hợp nước ngoài đồng ý áp dụng nguyên tắc có đi có lại với những điều kiện kèm theo, Bộ Ngoại giao gửi văn bản tham khảo ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp phải có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Ngoại giao.

Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại với những điều kiện kèm theo của nước ngoài trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, có Công hàm trả lời cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và gửi một bản sao Công hàm đó cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết để phối hợp.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP NHẬN, CHUYỂN GIAO HỒ SƠ, VẬT CHỨNG

Mục 1
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP NHẬN, CHUYỂN GIAO HỒ SƠ, VẬT CHỨNG GIỮA CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA VIỆT NAM

Điều 5. Lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội

1. Khi yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu (sau đây viết tắt là *cơ quan yêu cầu*) phải lập hồ sơ.

2. Hồ sơ gồm có:

a) Công văn của cơ quan yêu cầu đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét việc chuyển hồ sơ cho nước ngoài;

b) Văn bản yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội do cơ quan yêu cầu lập theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

c) Sao y bản chính hồ sơ gốc của vụ án trong trường hợp vụ án không có đồng phạm hoặc trong trường hợp có đồng phạm, hồ sơ vụ án của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự được tách, trích lập riêng theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch này;

d) Các tài liệu chứng minh đối tượng đang có mặt tại nước được yêu cầu;

đ) Văn bản từ chối dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Trường hợp giữa Việt Nam và nước được yêu cầu đã có Hiệp định về dẫn độ và đối tượng bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp từ chối dẫn độ theo quy định của Hiệp định thì cơ quan yêu cầu viện dẫn quy định đó trong Công văn gửi kèm thay cho văn bản từ chối dẫn độ;

e) Các tài liệu, vật chứng cần thiết khác có liên quan.

3. Hồ sơ phải được đánh số bút lục và có danh mục tài liệu, vật chứng kèm theo (nếu có) và được lập thành 03 bộ. Cơ quan yêu cầu có trách nhiệm dịch hồ sơ ra ngôn ngữ phù hợp theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp. Trường hợp cơ quan yêu cầu không xác định được ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận thì gửi văn bản đến Bộ Ngoại giao đề nghị xác định.

4. Chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện các hoạt động lập hồ sơ, dịch thuật, chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao do cơ quan yêu cầu chi trả từ ngân sách nhà nước.

Điều 6. Xử lý vụ án có đồng phạm đang bị điều tra, truy tố hoặc xét xử tại Việt Nam

Trường hợp vụ án có đồng phạm đang bị điều tra, truy tố hoặc xét xử tại Việt Nam thì căn cứ vào việc quyết định yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, cơ quan yêu cầu tách hoặc trích lập riêng hồ sơ vụ án đối với người đó trước khi lập hồ sơ gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Việc tách hoặc trích lập hồ sơ vụ án của người bị yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch này.

Điều 7. Hình thức chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Cơ quan yêu cầu có trách nhiệm chuyển trực tiếp hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc qua đường bưu điện.

2. Trường hợp chuyển trực tiếp thì việc giao, nhận phải được lập thành biên bản, nêu rõ các nội dung sau:

a) Giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm giao, nhận hồ sơ;

b) Tên cơ quan yêu cầu; họ, tên, chức vụ của người chuyển giao;

c) Tên cơ quan tiếp nhận; họ, tên, chức vụ của người tiếp nhận;

d) Các tài liệu có trong hồ sơ theo danh mục tài liệu đã được liệt kê; số lượng trang có trong hồ sơ đã được đánh số bút lục;

đ) Chủng loại vật chứng và tình trạng vật chứng (vật chứng đi kèm hồ sơ hay đang thuộc trách nhiệm bảo quản của cơ quan nào) được nêu trong danh mục vật chứng.

3. Trường hợp chuyển qua đường bưu điện, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm kiểm tra tài liệu, vật chứng có trong hồ sơ trước khi thụ lý. Trường hợp qua kiểm tra phát hiện tài liệu, vật chứng có trong hồ sơ bị thiếu hoặc không phù hợp với bản kê danh mục tài liệu, vật chứng thì phải thông báo ngay cho cơ quan gửi hồ sơ để phối hợp giải quyết.

4. Ngày Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trong biên bản giao, nhận (trong trường hợp chuyển trực tiếp) hoặc ngày đến theo dấu của bưu điện (trong trường hợp chuyển theo đường bưu điện).

Điều 8. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm:

1. Vào sổ thụ lý hồ sơ;

2. Kiểm tra tính đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch này. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ thiếu các tài liệu cần thiết thì yêu cầu bổ sung. Thời hạn bổ sung tài liệu không quá mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

3. Xem xét, quyết định loại tài liệu, vật chứng chuyển giao cho nước ngoài theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch này. Trường hợp tài liệu, vật chứng kèm theo hồ sơ nhưng xét thấy không cần thiết chuyển giao cho nước ngoài thì trả lại cho cơ quan yêu cầu;

4. Liên hệ với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng để yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước được yêu cầu là thành viên;

Trường hợp giữa Việt Nam và nước được yêu cầu chưa có điều ước quốc tế về lĩnh vực này thì đề nghị Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc đề nghị nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trên cơ sở áp dụng nguyên tắc có đi có lại theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này;

5. Thông báo cho cơ quan yêu cầu biết về việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài. Nội dung thông báo phải cụ thể về thời gian, địa điểm chuyển giao; loại tài liệu, vật chứng chuyển giao; loại tài liệu, vật chứng không chuyển giao.

Điều 9. Việc tiếp nhận, chuyển giao vật chứng giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

1. Trường hợp vật chứng kèm theo hồ sơ:

a) Khi chuyển giao hồ sơ, cơ quan có trách nhiệm phải chuyển giao cả vật chứng kèm theo;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm bảo quản vật chứng kèm theo trong thời gian quản lý hồ sơ.

2. Trường hợp vật chứng đang được bảo quản tại kho vật chứng:

a) Cơ quan yêu cầu phải chụp ảnh hoặc ghi hình kèm theo mô tả vật chứng để đưa vào hồ sơ và thông báo cho cơ quan bảo quản vật chứng biết;

b) Cơ quan đang bảo quản vật chứng có trách nhiệm tiếp tục bảo quản vật chứng cho đến khi có lệnh trích xuất vật chứng của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi có quyết định xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Mục 2
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHUYỂN GIAO HỒ SƠ, VẬT CHỨNG CHO NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Trách nhiệm liên hệ, chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước được yêu cầu đều là thành viên của Điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp liên hệ và chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài theo quy định của Điều ước quốc tế.

2. Trường hợp Việt Nam và nước được yêu cầu không cùng là thành viên của Điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có công văn kèm theo hồ sơ gửi đến Bộ Ngoại giao để thực hiện trách nhiệm liên hệ, chuyển giao cho nước được yêu cầu theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này.

Điều 11. Thủ tục chuyển giao vật chứng cho nước ngoài

1. Nếu vật chứng cần chuyển giao cho nước ngoài kèm theo hồ sơ thì khi chuyển giao hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Bộ Ngoại giao chuyển giao cả vật chứng đó cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

2. Nếu vật chứng cần chuyển giao được bảo quản tại kho vật chứng thì giải quyết theo thủ tục sau:

a) Chậm nhất là năm ngày làm việc trước ngày chuyển giao cho nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan yêu cầu biết về thời gian, địa điểm chuyển giao. Cơ quan yêu cầu có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan bảo quản vật chứng thực hiện việc trích xuất và vận chuyển vật chứng theo đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Trường hợp chuyển qua kênh ngoại giao, khi liên hệ với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để thống nhất về việc chuyển giao, Bộ Ngoại giao cần lưu ý thời gian dành cho việc trích xuất, vận chuyển vật chứng ít nhất là bảy ngày làm việc trước ngày chuyển giao. Trong thời hạn hai ngày làm việc kể từ khi có được sự thống nhất về việc chuyển giao với nước ngoài, Bộ Ngoại giao thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết và phối hợp thực hiện việc chuyển giao.

Việc thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho cơ quan yêu cầu để thực hiện trách nhiệm chủ trì, phối hợp thực hiện việc trích xuất, vận chuyển vật chứng được thực hiện theo quy định tại điểm a Khoản này.

Điều 12. Hình thức chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài

1. Tùy theo từng trường hợp, việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài có thể thực hiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

2. Trường hợp chuyển giao trực tiếp, việc chuyển giao phải được lập thành biên bản, thể hiện đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ, danh mục và tình trạng vật chứng được chuyển giao, có chữ ký của bên giao - là đại diện các cơ quan có liên quan của Việt Nam tại địa điểm bàn giao và bên nhận - là đại diện của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại địa điểm bàn giao.

3. Trường hợp chuyển giao qua đường bưu điện, cơ quan thực hiện việc chuyển giao phải niêm phong hồ sơ, vật chứng trước khi gửi và phải lưu biên nhận của bưu điện.

Điều 13. Chi phí chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài

Chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài do cơ quan thực hiện việc chuyển giao (Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Bộ Ngoại giao) chi trả từ ngân sách nhà nước.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện trong ngành Kiểm sát nhân dân về việc lập hồ sơ và thủ tục yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội theo quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Theo dõi và thông báo kết quả việc thực hiện yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội của nước ngoài cho cơ quan yêu cầu biết trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả từ cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc từ Bộ Ngoại giao; đề nghị phía nước ngoài chuyển trả hồ sơ, vật chứng cho Việt Nam trong trường hợp nước ngoài từ chối truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

3. Hàng năm, tập hợp và gửi các điều ước tương trợ tư pháp về hình sự mà Việt Nam mới ký kết hoặc tham gia cho Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao.

Điều 15. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao

Hướng dẫn và tổ chức thực hiện trong ngành Tòa án về việc lập hồ sơ và thủ tục yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện trong ngành Công an nhân dân về việc lập hồ sơ và thủ tục yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội theo quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Hướng dẫn cơ quan quản lý kho vật chứng trong Công an nhân dân tổ chức thực hiện việc bảo quản, trích xuất, bàn giao vật chứng của vụ án để chuyển giao cho nước ngoài theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Hướng dẫn cơ quan thi hành án dân sự các cấp tổ chức thực hiện việc bảo quản, trích xuất, bàn giao vật chứng của vụ án để chuyển giao cho nước ngoài theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Tổ chức thực hiện trong ngành Ngoại giao về nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Ngoại giao liên quan đến việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án cho nước ngoài theo quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Xác định ngôn ngữ của nước được yêu cầu theo đề nghị của cơ quan lập hồ sơ trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

3. Trong trường hợp áp dụng nguyên tắc có đi có lại, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên hệ với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để biết kết quả thực hiện yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam; đề nghị phía nước ngoài chuyển trả hồ sơ, vật chứng cho Việt Nam trong trường hợp nước ngoài từ chối truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội; tiếp nhận kết quả truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội hoặc hồ sơ, vật chứng trả

lại từ nước ngoài và chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày nhận được.

4. Hàng năm, tập hợp danh sách tên các quốc gia, vùng lãnh thổ có điều ước, hoặc thỏa thuận về áp dụng nguyên tắc có đi có lại với Việt Nam liên quan đến yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội và thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề mới đề nghị phản ánh kịp thời đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hoặc Bộ Ngoại giao để giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung./.

KT. CHÁNH ÁN **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **PHÓ CHÁNH ÁN THƯỜNG TRỰC**	**KT. VIỆN TRƯỞNG** **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO** **PHÓ VIỆN TRƯỞNG**
Đặng Quang Phương	**Trần Công Phàn**
KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN** **THỨ TRƯỞNG**
Hoàng Thế Liên	**Thượng tướng Lê Quý Vương**

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Sơn

PHỤ LỤC MẪU VĂN BẢN
YÊU CẦU NƯỚC NGOÀI TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16 tháng 8 năm 2013 của liên ngành Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Tư pháp - Bộ Ngoại giao)

..... (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../UTTPHS -.....(2)	
V/v truy cứu trách nhiệm hình sự	....., ngày..... tháng..... năm.....(3)

YÊU CẦU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

..... (4)..... , nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin gửi lời chào trân trọng đến..... (5).....;

Căn cứ :..... (6).....

..... (7)..... , nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ:..... (8).....

Trân trọng đề nghị:..... (9)..... xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự

Đối với:..... (10).....

Giới tính..... (11).....

Sinh ngày:..... (12).....

Quốc tịch:..... (13).....

Số hộ chiếu:..... (14).....

Địa chỉ:..... (15).....

Là bị can, bị cáo trong vụ án..... (16)..... do..... (17), nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang giải quyết:

Tóm tắt nội dung của vụ án liên quan đến yêu cầu, lý do yêu cầu:..... (18).....

Quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự:..... (19).....

Về thời hạn thực hiện yêu cầu:..... (20).....

Nhân dịp này..... (21)....., nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với sự phối hợp của..... (22).....

THỦ TRƯỞNG
(hoặc **KT. THỦ TRƯỞNG**
PHÓ THỦ TRƯỞNG)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHỤ LỤC

(1)(4)(7)(17)(21): Ghi cụ thể tên của Cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu (Cơ quan yêu cầu). Chẳng hạn: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội hoặc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội).

(2): Viết tắt tên cơ quan yêu cầu. Ví dụ: VKSHN.

(3): Ghi rõ địa điểm, ngày, tháng lập văn bản yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(5) (9) (22): Ghi đầy đủ tên, địa chỉ của cơ quan được yêu cầu theo quy định về địa giới hành chính của nước được yêu cầu (nếu biết) và tên của nước được yêu cầu. Ví dụ: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kinh, địa chỉ: số...., đường...., quận...., thành phố..., nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

(6): Ghi rõ tên văn bản pháp lý mà dựa vào đó hai nước thực hiện yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự của nhau.

Trường hợp yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội dựa trên quy định của Hiệp định mà Việt Nam và nước được yêu cầu đã ký kết thì ghi rõ tên của Hiệp định và trích dẫn quy định có liên quan.

Trường hợp yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội dựa trên Công ước quốc tế mà Việt Nam và nước được yêu cầu là thành viên thì ghi rõ tên của Công ước và quy định có liên quan.

Trường hợp yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội dựa trên nguyên tắc có đi có lại thì ghi rõ: Đề nghị nước được yêu cầu áp dụng nguyên tắc có đi có lại về thực hiện yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(8): Ghi đầy đủ thông tin về địa chỉ của Cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu.

(10): Ghi rõ họ tên đầy đủ của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(11): Ghi rõ giới tính của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(12): Ghi rõ thông tin về ngày tháng năm sinh của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(13) Ghi rõ quốc tịch của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp người đó không có quốc tịch thì ghi là "Không có quốc tịch".

(14) Ghi số hộ chiếu của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(15): Ghi đầy đủ thông tin về địa chỉ của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự tại nước được yêu cầu (nếu biết).

(16): Ghi tên của vụ án mà cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu đang thụ lý giải quyết, trong đó người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự là bị can, bị cáo.

(18): Mô tả tóm tắt, ngắn gọn các nội dung sau:

- Nội dung vụ án, đặc biệt là các tình tiết, thông tin của vụ án liên quan đến hành vi phạm tội của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Các thủ tục tố tụng đã áp dụng đối với người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự tại Việt Nam;

- Thông tin về việc người bị yêu cầu đã trốn khỏi Việt Nam và hiện đang có mặt tại nước được yêu cầu;

- Những yêu cầu của Việt Nam đối với nước được yêu cầu liên quan đến việc điều tra, xử lý người phạm tội như: yêu cầu lấy lời khai, thu thập chứng cứ, dẫn độ... (*nếu có*) và kết quả thực hiện các yêu cầu đó của nước được yêu cầu.

(19): Cần:

- Trích dẫn cụ thể điều luật, khoản quy định về tội danh và hình phạt đối với hành vi phạm tội của người bị yêu cầu trong Bộ luật hình sự Việt Nam: Trường hợp mới xác định được tội danh thì trích dẫn toàn bộ điều luật đó. Ví dụ: Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định như sau: (trích dẫn toàn bộ điều luật); Trường hợp đã xác định được tội danh và điều khoản áp dụng thì chỉ cần trích dẫn điều khoản mô tả cấu thành tội phạm đó và hình phạt áp dụng: Ví dụ: Điều 194 khoản 3 Bộ luật hình sự năm 1999 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định như sau: ".....".

- Trích dẫn Điều 23 BLHS Việt Nam về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(20): Ghi rõ thời hạn mà cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu mong muốn nhận được kết quả truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.